TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42 /2018/DS-PT
Ngày: 18-6 - 2018.
V/v " Chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Hà
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đăng Phồn và ông Phạm Văn Phấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Phú, Thẩm tra viên, TAND Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 15/2017/TLPT- DS ngày 20 tháng 3 năm 2018 về " Tranh chấp thừa kế tài sản ". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18 /2017/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2018/QĐPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị C - Sinh năm 1952. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 5, xã QN, huyện Q, tỉnh Nghệ An;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N - sinh năm 1993. Địa chỉ: Khối 3, thị trấn C, huyện Q, Nghệ An. Tại văn bản ủy quyền ngày 30/3/2018; Có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Hồ L, sinh năm 1962. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 2, xã QN, huyện Q, tỉnh Nghệ An;

Người bảo vệ quyền, lợi ích cho bị đơn: Ông Vũ Văn Đồng .

Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư miền Trung. Đoàn LS Hà Nội . Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hồ Thị L sinh năm 1954.

2- Bà Hồ Thị S sinh năm 1963.

3- Bà Hồ Thị N sinh năm 1968.

4- Chị Hồ Thị Th sinh năm 1971.

5- Chị Hồ Thị T sinh năm 1973

6- Chị Hồ Thị P sinh năm 1987.

7- Ông Hồ D sinh năm 1957.

8- Anh Hồ Y. Sinh năm 1983.

Đều có Địa chỉ: xã QN, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Đều có mặt tại phiên tòa. Riêng ông D vắng mặt nhưng ủy quyền cho anh Y (là con) tham gia có mặt.

- *Người kháng cáo:* ông Hồ L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn là bà Hồ Thị C trình bày: Ông Hồ Ư (là chồng của bà) có 02 đời vợ. Người vợ thứ nhất của ông là bà B sinh được 7 người con: Hồ L, Hồ Thị L, Hồ Thị Q, Hồ Thị S, Hồ Thị N, Hồ Thị Th và Hồ Thị T. Năm 1974 bà B mất không để lại di chúc. Năm 1984 ông Ư chung sống với bà không đăng ký kết hôn sinh được 1 con là Hồ Thị P. Năm 1978 ông Ư bán nhà và thêm tiền mua 1 vị trí đất hiện nay ông L đang ở. Do mâu thuẫn với vợ ông L nên ông Ư và các con lại về đất cũ ở xóm 5 xã QN làm nhà ở . Năm 1984 bà C về chung sống với ông Ư, đã kê khai đất và được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSD Đ cho ông Ư và bà C năm 1996. Ngày 21/10/2013 ông Ư lập di chúc để lại toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất cho bà C và chị Phượng và ngày 30/10/2003 thì ông Ư mất. Ngôi nhà đã cũ nát bà C làm lại nhưng ông L không cho làm nên bà khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế của ông Ư để lại.

Tại Bản tự khai và trong qua trình tố tụng: Bị đơn là ông Hồ L thống nhất về quan hệ gia đình (*các vợ và các con của ông Ư*) , về thời gian bà Bái, ông Ư mất đúng như nguyên đơn trình bày. Ông Ư, bà B mất không để lại di chúc, bản di chúc bà C có được là giả mạo, bà C và ông Ư lấy nhau không đăng ký kết hôn nên không phải là vợ chồng. Đất hiện nay bà C đang ở là do ông, bà đời trước để lại cho ông Ư, bà Bái. Ông đề nghị phân chia di sản của mẹ ông (Bà B) cho 7 anh chị em, của ông Ư cho 8 anh chị em. Thửa đất số 02 bản đồ số 03 xóm 5 xã QN đề nghị xây dựng nhà thờ theo phong tục tập quán.

Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Hồ Thị L, Hồ Thị Th, Hồ Thị T, Hồ Thị S, Hồ Thị N,

Hồ Thị P (các con của ông Ư) và ông Hồ D, anh Hồ Y (là chồng và con của bà Quy đã mất) đều có chung ý kiến: về quan hệ gia đình, quá trình phát triển tài sản của ông Ư, bà C, cũng như di sản để lại và thống nhất chia 1/2 cho bà C, chị P. Phần đất còn lại chia cho bà T, bà S, bà N, bà L. Còn lại thì xin nhận giá trị di sản thừa kế bằng tiền.

Kết quả thẩm định, định giá: Đất bà C đang ở có diện tích thực tế: 560,3m2 giá đất 3.200.000đ/1m^2. Tài sản thừa kế: nhà ở, nhà bếp, giếng nước, nhà quán giá: 3.000.000đ. Tổng cộng: 1.795.960.000đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 28/12/2017 của TAND huyện Quỳnh Lưu đã quyết định:

Căn cứ các Điều 611,612,623,649,651,652, khoản 3 Điều 655 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 95,97,98,99,100,105,106,166,167, 203 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hồ Thị C về việc "Tranh chấp thừa kế về tài sản".

2. Xác định tài sản thừa kế của ông Hồ Ư chết để lại là phần tài sản của ông Ư trong khối tài sản chung với bà Hồ Thị C, gồm: 280,3m^2 đất ở (Theo diện tích thực tế đang sử dụng, không có tranh chấp) thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 03 (bản đồ 299), đã được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 514459, ngày 09/5/1996 đứng tên ông Hồ Ư; nay là thửa số 71, tờ bản đồ số 115-75 (bản đồ địa chính) tại xóm 5, xã QN, huyện Q, tỉnh Nghệ An, có giá trị quyền sử dụng đất là 896.960.000 đồng và ½ giá trị tài sản trên đất là 1.500.000 đồng. Tổng giá trị di sản của ông Ư tính bằng tiền là 898.460.000đ (Tám trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

3. Di sản của ông Ư được chia cho 09 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, gồm: Bà Hồ Thị C, anh Hồ L, chị Hồ Thị L, chị Hồ Thị S, chị Hồ Thị N, chị Hồ Thị Th, chị Hồ Thị Q, chị Hồ Thị T và chị Hồ Thị P. Mỗi người được hưởng giá trị bằng 1/9 giá trị tài sản thừa kế tính thành tiền là 99.828.000đ (Chín mươi chín triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn đồng). Phần tài sản thừa kế của chị Hồ Thị Q (chết năm 2008) được giao cho anh Hồ D (chồng) và anh Hồ Y (con đẻ) một suất 99.828.000 đồng.

4. Công nhận việc chị Hồ Thị P nhường phần được hưởng di sản bằng hiện vật cho bà Hồ Thị C. Tổng giá trị di sản thừa kế bà Hồ Thị C được hưởng (kể cả giá trị di sản của chị Phượng nhường lại cho bà C), tính bằng tiền là 199.656.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

5.Giao cho bà Hồ Thị C được quyền sở hữu tài sản (bao gồm cả di sản thừa kế đã chia cho bà C và tài sản của bà C có chung với tài sản của ông Ư chết để lại) là: 01 nhà ở 03 gian lợp ngói, một nhà bếp, 02 gian nhà quán, 01 giếng nước và giao cho bà C được quyền sử dụng đất ở diện tích 342,3m^2 (Trong đó có 280m^2 là tài sản của bà C có chung với ông Ư và 62,3m^2 là tài sản thừa kế mà bà C và chị Phượng được chia nói trên) thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 03 (bản đồ 299), tức thửa số 71, tờ bản đồ số 115-75 (bản đồ địa chính) tại xóm 5, xã QN, huyện Q, tỉnh Nghệ An, đã được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 514459, ngày 09/5/1996 đứng tên ông Hồ Ư.Tổng trị giá di sản thừa kế bà C nhận,tính thành tiền là 200.860.000đ (hai trăm triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng) nhưng bà C phải trả tiền chênh lệch của di sản thừa kế cho anh Hồ Y 1.204.000đ (Một triệu hai trăm linh bốn nghìn đồng).

Vị trí và ranh giới đất giao cho bà Hồ Thị C được quyền sử dụng:

- Phía Bắc giáp đường nhựa= 27,11 mét.

- Phía Nam giáp ngõ đi 3,6 mét và giáp đất ông Hồ Đèo 9,19 mét.

- Phía Tây giáp đường nhựa 1,83 mét; Giáp phía Bắc đất ông Hồ Hữu 4,04 mét, giáp phía Đông đất ông Hồ Hữu 8,95 mét, giáp phía Đông đất ông Nguyễn Văn Thìn 7,95 mét.

- Phía Đông giáp đất giao cho chị Hồ Thị T= 16,06 mét.

Bà Hồ Thị C có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai và nhà ở để tiến hành thủ tục cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và đăng ký biến động diện tích đất được giao sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất, theo quy định của pháp luật. 6. Giao cho chị Hồ Thị T được quyền sử dụng 54,5 m^2 đất ở thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 03 (Bản đồ 299), tức thửa số 71, tờ bản đồ số 115-75 (bản đồ địa chính) tại xóm 5, xã QN, huyện Q, tỉnh Nghệ An là tài sản được thừa kế di sản của ông Hồ Ư. Giá trị quyền sử dụng đất là 174.400.000đ (Một trăm bảy mươi tư triệu, bốn trăm nghìn đồng). Nhưng chị T phải trả tiền chênh lệch di sản tửa kế cho anh Hồ Y 48.711.000đ (Bốn mươi tám triệu, bảy trăm mười một nghìn đồng) và trả cho anh Hồ D 25.861.000đ (Hai mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Vị trí,ranh giới đất giao cho chị Hồ Thị T được quyền sử dụng:

- Phía Bắc giáp đường nhựa= 3,66 mét.

- Phía Nam giáp đất ông Hồ Đ = 4,32 mét.

- Phía Tây giáp đất giao cho bà C = 16,06 mét.

- Phía Đông giáp đất giao cho chị Hồ Thị S = 13,73 mét.

7. Giao cho chị Hồ Thị S được quyền sử dụng 54,5 m^2 đất ở thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 03 (Bản đồ 299), tức thửa số 71, tờ bản đồ số 115-75 (bản đồ địa chính) tại xóm 5, xã QN, huyện Q, tỉnh Nghệ An là tài sản được thừa kế di sản của ông Hồ Ư. Giá trị quyền sử dụng đất tính thành tiền là 174.400.000đ (Một trăm bảy mươi tư triệu, bốn trăm nghìn đồng), nhưng chị S phải trả tiền chênh lệch di sản thừa kế cho anh Hồ D 24.054.000đ (Hai mươi bốn triệu, không trăm năm mươi tư nghìn đồng) và trả cho chị Hồ Thị Th 50.518.000đ (Năm mươi triệu, năm trăm mười tám nghìn đồng).

Vị trí ranh giới đất giao cho chị Hồ Thị S được quyền sử dụng:

- Phía Bắc giáp đường nhựa = 4,40 mét.

- Phía Nam giáp đất ông Hồ Đ = 5,08 mét.

- Phía Tây giáp đất giao cho chị Hồ Thị T = 13,73 mét.

- Phía Đông giáp đất giao cho chị Hồ Thị N = 11,14 mét.

8. Giao cho chị Hồ Thị N được quyền sử dụng 54,5m^2 đất ở thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 03 (Bản đồ 299), tức thửa số 71, tờ bản đồ số 115-75 (bản đồ địa chính) tại xóm 5, xã QN, huyện Q, tỉnh Nghệ An là tài sản được thừa kế di sản của ông Hồ Ư. Giá trị quyền sử dụng đất tính thành tiền là 174.400.000 đ (Một trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng) nhưng chị Hồ Thị N phải trả tiền chênh lệch di sản thừa kế cho chị Hồ Thị Th 49.312.000đ (Bốn mươi chín triệu, ba trăm mười hai nghìn đồng) và trả cho anh Hồ L 25.260.000đ (Hai mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Vị trí, ranh giới đất giao cho chị Hồ Thị N được quyền sử dụng:

- Phía Bắc giáp đường nhựa = 5,69 mét.

- Phía Nam giáp đất ông Hồ Đ = 6,49 mét.

- Phía Tây giáp đất giao cho chị Hồ Thị S = 11,14 mét.

- Phía Đông giáp đất giao cho chị Hồ Thị L = 8,05 mét.

9. Giao cho chị Hồ Thị L được quyền sử dụng 54,5 m^2 đất ở thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 03 (bản đồ 299), tức thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115-75 (bản đồ địa chính) tại xóm 5, xã QN, huyện Q, tỉnh Nghệ An là tài sản được thừa kế di sản của ông Hồ Ư. Giá trị quyền sử dụng đất tính thành tiền là 174.400.000đ (Một trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng) nhưng chị Lân phải trả tiền chênh lệch tài sản thừa kế cho anh Hồ L 74.572.000 (Bảy mươi bốn triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Vị trí, ranh giới đất giao cho chị Hồ Thị L được quyền sử dụng:

- Phiá Bắc giáp đường nhựa = 11,76 mét.

- Phía Nam giáp đất ông Hồ Đ = 13,5 mét.

- Phía Tây giáp đất giao cho chị Hồ Thị N = 8,50 mét.

- Phía Đông giáp đất ông Hồ Văn K = 0,67 mét.

Chị Hồ Thị T, chị Hồ Thị S, chị Hồ Thị N, chị Hồ Thị L đều có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mà chị T, chị S, chị N và chị L được thừa kế nêu trên, và đăng ký biến động diện tích đất được giao quyền sử dụng đất (nếu có) theo quy định của pháp luật.

10. Giao cho anh Hồ L được quyền sở hữu số tiền 99.832.000đ (Chín mươi chín triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn đồng) là giá trị suất thừa kế mà anh Long được hưởng; do chị Hồ Thị N trả 25.260.000đ (hai mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng) và chị Hồ Thị L trả 74.572.000đ (Bảy mươi tư triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

11. Giao cho chị Hồ Thị Th được quyền sở hữu số tiền 99.830.000 (Chín mươi chín triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng) là giá trị suất thừa kế chị Thi được hưởng; do chị Hồ Thị N trả 49.312.000đ (Bốn mươi chín triệu, ba trăm mười hai nghìn đồng) và chị Hồ Thị S trả 50.518.000 đ (Năm mươi triệu, năm trăm mười tám nghìn đồng).

12. Giao cho anh Hồ D được quyền sở hữu 49.915.000đ (Bốn mươi chín triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng), là giá trị suất thừa kế anh Hồ D được hưởng do chị Hồ Thị S trả 24.054.000đ (hai mươi bốn triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn đồng) và chị Hồ Thị T trả 25.861.000đ (hai mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

13. Giao cho anh Hồ Y được quyền sở hữu 49.915.000đ (Bốn mươi chín triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng) là giá trị suất thừa kế anh Hồ Y được hưởng do chị Hồ Thị T trả 48.711.000đ (Bốn mươi tám triệu bảy trăm mười một nghìn đồng) và bà Hồ Thị C trả 1.204.000đ (Một triệu, hai trăm linh bốn nghìn đồng).

Ngoài ra Bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm thi hành, quyền yêu cầu THA, quyền kháng cáo của các bên đương sự theo luật định.

Ngày 05/01/2018 ông Hồ L kháng cáo có nội dung: Tòa án sơ thẩm xét xử không khách quan, xét xử theo lời khai của nguyên đơn. Tài sản thửa đất là của ông bà, để lại cho ông Ư, bà Bnên đề nghị chia phần bà B7 người hưởng, phần ông Ư 8 người con hưởng. Bà C về sống không đăng ký kết hôn nên không được chia. Tòa án chia cho các em gái là hiện vật còn ông nhận tiền là không đúng quy định đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để phân chia thừa kế theo pháp luật và ông xin nhận bằng hiện vật.

Ngày 25/01/2018 VKSND tỉnh Nghệ An có Quyết định kháng nghị phúc thẩm (QĐ số 147KNPT- DS) với nội dung: Tòa án sơ thẩm xác định1/2 thửa đất là tài sản của bà C là chưa đủ căn cứ. Bà C có thời gian sống chung với ông Ư từ năm 1984 có nhiều công tu bổ, tôn tạo đất nhưng cấp sơ thẩm không giải quyết. Giấy CNQSD Đ cấp cho ông Ư đang có hiệu lực nhưng cấp sơ thẩm xác định toàn bộ là đất ở vì có trước năm 1980 là chưa đúng quy định. Diện tích đất tăng thêm chưa được xác minh làm rõ. Án phí chưa xác định rõ người cao tuổi để miễn cho các đương sự là không đúng. Đề nghị xác minh thêm để sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hồ L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông L đề nghị : Nguồn gốc đất tại thửa số 02 là đất hương hỏa của cha, ông ông Ư để lại, bà B là vợ hợp pháp được hưởng 1/2. Bà C không đăng ký kết hôn nên không được chia. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chia di sản cho bà C, phần của bà Bchia 7 phần, phần của ông Ư chia 8 phần và giải quyết hiện vật cho ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện VKSND tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật về tố tụng các cấp Tòa án thực hiện đúng quy định của BLTTDS nên kháng cáo của bị đơn hợp lệ. Về nội dung xác định đất của ông Ư, bà Bnhư người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn kháng cáo là phù hợp nhưng bà C là người có công tôn tạo, duy trì di sản với thời gian dài nên cần tính toán bảo vệ quyền lợi cho bà, về án phí một số đương sự là người cao tuổi chưa được miễn án phí theo NQ 326/2016 của UBTVQH nên đề nghị sửa án sơ thẩm đảm bảo quyền lợi cho họ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả hỏi, tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy dủ các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Xét Đơn kháng cáo của ông Hồ L được nạp và đã nạp tiền tạm ứng án phí đúng thời gian quy định nên hợp lệ, cấp phúc thẩm thụ lý và xét xử vụ án là đúng.

Về nội dung: Vợ chồng ông Ư và bà B sinh được 07 người con. Sau khi bà B chết thì ông Ư lấy vợ thứ hai là bà C sinh được một người con. Ông Ư và bà C không đăng ký kết hôn nhưng không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân gia đình theo NQ 35/ 2000 của QH khóa 10 thì được công nhận là hôn nhân thực tế,

hợp pháp. Vì vậy bà C có đầy đủ quyền về tài sản của vợ chồng phát sinh trong quá trình chung sống.

Trước khi ông Ư chết có để lại Di chúc nhưng không tuân theo các quy định của pháp luật nên không coi là di chúc hợp pháp. Vì vậy di sản của ông Ư được phân chia theo pháp luật thừa kế.

Căn cứ vào sổ sách, hồ sơ địa chính và thực tế sử dụng đất có đủ căn cứ xác định thửa đất số 02, tờ bản đồ số 03 tuy Giấy CNQSD Đ cấp cho chủ hộ là ông Ư nhưng hồ sơ địa chính thì đồng chủ sử dụng chung là bà C vì vậy có đủ cơ sở xác định đây là tài sản chung của ông Ư và bà C. Tài sản chung và di sản của ông Ư đã được cấp sơ thẩm xác định có giá trị là 1.795.960.000đ là đúng quy định.

Về hàng thừa kế cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất có 9 người (bà C và các con của ông Ư) là đúng quy định của pháp luật thừa kế.

Ông L kháng cáo là: Toàn bộ diện tích đất đó do ông, bà đời trước để lại cho ông Ư, bà Bvì vậy nên đề nghị chia phần bà B 7 suất, ông Ư 8 suất. Bà C không đăng ký kết hôn nên không chia. Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ thì bà Bmất năm 1974, tài sản là nhà đất được tạo dựng sau năm 1978 nên không có cơ sở để xác định là di sản của bà Bái, mặt khác trước năm 1980 đất đai đang thuộc sỡ hữu toàn dân, pháp luật chưa quy định thừa kế đất. Quá trình sử dụng sau này thì ông Ư, bà C đã được Nhà nước thừa nhận là chủ sử dụng nên Tòa án cấp sơ thẩm coi di sản đó là tài sản chung của ông Ư , bà C là đúng nguồn gốc, thời điểm phát sinh tài sản. Ông L xin nhận đất để thờ cúng, xét thấy ông cũng đã có chổ ở ổn định tại xóm 2 vì vậy cấp sơ thẩm không giao bằng hiện vật mà giao bằng tiền cũng đảm bảo quyền lợi cho ông. Xét các vấn đề kháng nghị của VKSND tỉnh Nghệ An thì bà C có công duy trì, tôn tạo đất nhưng bà không yêu cầu nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét. Diện tích đất tăng thêm đã được cấp phúc thẩm xác minh làm rõ do đo đạc, phần án phí đối với người cao tuổi Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng NQ 326/2016 của UBTV QH để miễn cho họ là không đảm bảo quyền lợi cho họ vì vậy cần sửa phần án phí như kháng nghị và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Căn cứ vào những nhận định trên, không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của ông L cần giữ nguyên án sơ thẩm về nội dung, chấp nhận một phần kháng nghị của VKS sửa án sơ thẩm về án phí. Những người cao tuổi ông L, bà C, ông Dụ, bà Lân được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, điều 309 của BLTTDS. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Hồ L: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần kháng nghị của VKSND tỉnh Nghệ An: Sửa án sơ thẩm về án phí dân sự.

Căn cứ các Điều 611,612,623,649,651,652, khoản 3 Điều 655 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 95,97,98,99,100,105,106,166,167, 203 Luật đất đai năm 2013.

Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTV QH14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hồ Thị C về việc "Tranh chấp thừa kế về tài sản".

2. Xác định tài sản thừa kế của ông Hồ Ư chết để lại là phần tài sản của ông Ư trong khối tài sản chung với bà Hồ Thị C, gồm: 280,3m^2 đất ở (Theo diện tích thực tế đang sử dụng, không có tranh chấp) thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 03 (bản đồ 299), đã được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 514459, ngày 09/5/1996 đứng tên ông Hồ Ư; nay là thửa số 71, tờ bản đồ số 115-75 (bản đồ địa chính) tại xóm 5, xã QN, huyện Q, tỉnh Nghệ An, có giá trị quyền sử dụng đất là 896.960.000 đồng và ½ giá trị tài sản trên đất là 1.500.000 đồng. Tổng giá trị di sản của ông Ư tính bằng tiền là 898.460.000đ (Tám trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

3. Di sản của ông Ư được chia cho 09 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, gồm: Bà Hồ Thị C, ông Hồ L, bà Hồ Thị L, bà Hồ Thị S, bà Hồ Thị N, bà Hồ Thị Th, bà Hồ Thị Q, chị Hồ Thị T và chị Hồ Thị P. Mỗi người được hưởng giá trị bằng 1/9 giá trị tài sản thừa kế tính thành tiền là 99.828.000đ (Chín mươi chín triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn đồng). Phần tài sản thừa kế của chị Hồ Thị Quy (chết năm 2008) được giao cho ông Hồ D (chồng) và anh Hồ Y (con đẻ) một suất 99.828.000 đồng.

4. Công nhận việc chị Hồ Thị P nhường phần được hưởng di sản bằng hiện vật cho bà Hồ Thị C. Tổng giá trị di sản thừa kế bà Hồ Thị C được hưởng (kể cả giá trị di sản của chị Phượng nhường lại cho bà C), tính bằng tiền là 199.656.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

5.Giao cho bà Hồ Thị C được quyền sở hữu tài sản (bao gồm cả di sản thừa kế đã chia cho bà C và tài sản của bà C có chung với tài sản của ông Ư chết để lại) là: 01 nhà ở 03 gian lợp ngói, một nhà bếp, 02 gian nhà quán, 01 giếng nước và giao cho bà C được quyền sử dụng đất ở diện tích 342,3m^2 (Trong đó có 280m^2 là tài sản của bà C có chung với ông Ư và 62,3m^2 là tài sản thừa kế mà bà C và chị Phượng được chia nói trên) thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 03 (bản đồ 299), tức thửa số 71, tờ bản đồ số 115-75 (bản đồ địa chính) tại xóm 5, xã QN, huyện Q, tỉnh

Nghệ An, đã được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 514459, ngày 09/5/1996 đứng tên ông Hồ Ư.Tổng trị giá di sản thừa kế bà C nhận,tính thành tiền là 200.860.000đ (hai trăm triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng) nhưng bà C phải trả tiền chênh lệch của di sản thừa kế cho anh Hồ Y 1.204.000đ (Một triệu hai trăm linh bốn nghìn đồng).

Vị trí và ranh giới đất giao cho bà Hồ Thị C được quyền sử dụng:

- Phía Bắc giáp đường nhựa= 27,11 mét.

- Phía Nam giáp ngõ đi 3,6 mét và giáp đất ông Hồ Đèo 9,19 mét.

- Phía Tây giáp đường nhựa 1,83 mét; Giáp phía Bắc đất ông Hồ H 4,04 mét, giáp phía Đông đất ông Hồ H 8,95 mét, giáp phía Đông đất ông Nguyễn Văn T 7,95 mét.

- Phía Đông giáp đất giao cho chị Hồ Thị T= 16,06 mét.

Bà Hồ Thị C có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai và nhà ở để tiến hành thủ tục cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và đăng ký biến động diện tích đất được giao sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất, theo quy định của pháp luật.

6. Giao cho chị Hồ Thị T được quyền sử dụng 54,5 m^2 đất ở thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 03 (Bản đồ 299), tức thửa số 71, tờ bản đồ số 115-75 (bản đồ địa chính) tại xóm 5, xã QN, huyện Q, tỉnh Nghệ An là tài sản được thừa kế di sản của ông Hồ Ư. Giá trị quyền sử dụng đất là 174.400.000đ (Một trăm bảy mươi tư triệu, bốn trăm nghìn đồng). Nhưng chị T phải trả tiền chênh lệch di sản từa kế cho anh Hồ Y 48.711.000đ (Bốn mươi tám triệu, bảy trăm mười một nghìn đồng) và trả cho ông Hồ D 25.861.000đ (Hai mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Vị trí,ranh giới đất giao cho chị Hồ Thị T được quyền sử dụng:

- Phía Bắc giáp đường nhựa= 3,66 mét.

- Phía Nam giáp đất ông Hồ Đ = 4,32 mét.

- Phía Tây giáp đất giao cho bà C = 16,06 mét.

- Phía Đông giáp đất giao cho bà Hồ Thị S = 13,73 mét.

7. Giao cho bà Hồ Thị S được quyền sử dụng 54,5 m^2 đất ở thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 03 (Bản đồ 299), tức thửa số 71, tờ bản đồ số 115-75 (bản đồ địa chính) tại xóm 5, xã QN, huyện Q, tỉnh Nghệ An là tài sản được thừa kế di sản của ông Hồ Ư. Giá trị quyền sử dụng đất tính thành tiền là 174.400.000đ (Một trăm bảy mươi tư triệu, bốn trăm nghìn đồng), nhưng chị S phải trả tiền chênh lệch di sản thừa kế cho ông Hồ D 24.054.000đ (Hai mươi bốn triệu, không trăm năm mươi

tư nghìn đồng) và trả cho chị Hồ Thị Th 50.518.000đ (Năm mươi triệu, năm trăm mười tám nghìn đồng).

Vị trí ranh giới đất giao cho bà Hồ Thị S được quyền sử dụng:

- Phía Bắc giáp đường nhựa = 4,40 mét.

- Phía Nam giáp đất ông Hồ Đ = 5,08 mét.

- Phía Tây giáp đất giao cho chị Hồ Thị T = 13,73 mét.

- Phía Đông giáp đất giao cho bà Hồ Thị N = 11,14 mét.

8. Giao cho bà Hồ Thị N được quyền sử dụng 54,5m^2 đất ở thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 03 (Bản đồ 299), tức thửa số 71, tờ bản đồ số 115-75 (bản đồ địa chính) tại xóm 5, xã QN, huyện Q, tỉnh Nghệ An là tài sản được thừa kế di sản của ông Hồ Ư. Giá trị quyền sử dụng đất tính thành tiền là 174.400.000 đ (Một trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng) nhưng chị Hồ Thị N phải trả tiền chênh lệch di sản thừa kế cho chị Hồ Thị Th 49.312.000đ (Bốn mươi chín triệu, ba trăm mười hai nghìn đồng) và trả cho ông Hồ L 25.260.000đ (Hai mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Vị trí, ranh giới đất giao cho bà Hồ Thị N được quyền sử dụng:

- Phía Bắc giáp đường nhựa = 5,69 mét.

- Phía Nam giáp đất ông Hồ Đ = 6,49 mét.

- Phía Tây giáp đất giao cho bà Hồ Thị S = 11,14 mét.

- Phía Đông giáp đất giao cho bà Hồ Thị L = 8,05 mét.

9. Giao cho bà Hồ Thị L được quyền sử dụng 54,5 m^2 đất ở thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 03 (bản đồ 299), tức thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115-75 (bản đồ địa chính) tại xóm 5, xã QN, huyện Q, tỉnh Nghệ An là tài sản được thừa kế di sản của ông Hồ Ư. Giá trị quyền sử dụng đất tính thành tiền là 174.400.000đ (Một trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng) nhưng bà L phải trả tiền chênh lệch tài sản thừa kế cho ông Hồ L 74.572.000 (Bảy mươi bốn triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Vị trí, ranh giới đất giao cho bà Hồ Thị L được quyền sử dụng:

- Phiá Bắc giáp đường nhựa = 11,76 mét.

- Phía Nam giáp đất ông Hồ Đ = 13,5 mét.

- Phía Tây giáp đất giao cho bà Hồ Thị N = 8,50 mét.

- Phía Đông giáp đất ông Hồ Văn K = 0,67 mét.

Chị Hồ Thị T, bà Hồ Thị S, bà Hồ Thị N, bà Hồ Thị L đều có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mà chị Thành, bà Sen, bà Nhi và bà Lân được thừa kế nêu trên, và đăng ký biến động diện tích đất được giao quyền sử dụng đất (nếu có) theo quy định của pháp luật.

10. Giao cho ông Hồ L được quyền sở hữu số tiền 99.832.000đ (Chín mươi chín triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn đồng) là giá trị suất thừa kế mà ông L được hưởng; do bà Hồ Thị N trả 25.260.000đ (hai mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng) và bà Hồ Thị L trả 74.572.000đ (Bảy mươi tư triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

11. Giao cho chị Hồ Thị Th được quyền sở hữu số tiền 99.830.000 (Chín mươi chín triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng) là giá trị suất thừa kế chị Thi được hưởng; do bà Hồ Thị N trả 49.312.000đ (Bốn mươi chín triệu, ba trăm mười hai nghìn đồng) và bà Hồ Thị S trả 50.518,000 đ (Năm mươi triệu, năm trăm mười tám nghìn đồng).

12. Giao cho ông Hồ D được quyền sở hữu 49.915.000đ (Bốn mươi chín triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng), là giá trị suất thừa kế ông Hồ D được hưởng do bà Hồ Thị S trả 24.054.000đ (hai mươi bốn triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn đồng) và chị Hồ Thị T trả 25.861.000đ (hai mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

13. Giao cho anh Hồ Y được quyền sở hữu 49.915.000đ (Bốn mươi chín triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng) là giá trị suất thừa kế anh Hồ Y được hưởng do chị Hồ Thị T trả 48.711.000đ (Bốn mươi tám triệu bảy trăm mười một nghìn đồng) và bà Hồ Thị C trả 1.204.000đ (Một triệu, hai trăm linh bốn nghìn đồng).

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ cho bà Hồ Thị C, ông Hồ L, bà Hồ Thị L và ông Hồ D. Hoàn trả cho bà Hồ Thị C: 5.840.000đ (Năm triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nạp tại Biên lai thu tiền số 0004585 ngày 04/5/2017 của Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ cho ông Hồ L. Hoàn trả cho ông Hồ L : 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nạp tại Biên lai thu tiền số 0001520 ngày 30/01/2018 của Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực (đối với trường hợp thi hành án chủ động) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền phải thi hành phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự các bên có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành theo điều 30 Luật THADS.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực sau khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS huyện Quỳnh Lưu;
- TAND huyện Quỳnh Lưu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Hà